

NGHIÊN CỨU HOẠT ĐỘNG TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM SINH HỌC TRONG ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

LÊ KHÁNH VŨ - Email: khanhvudhsp@gmail.com

LÊ THỊ THU PHƯƠNG - Email: lephuong.qbvn@gmail.com

Trường Đại học Quảng Bình

Tóm tắt: Đào tạo tín chỉ là phương thức đào tạo lấy người học làm trung tâm, sinh viên có thể chủ động trong việc lập và quản lý việc học phù hợp với điều kiện cũng như năng lực của bản thân. Thông qua khảo sát nghiên cứu tỉ lệ sinh viên sư phạm Sinh đã áp dụng các hoạt động tự học theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Quảng Bình cho thấy, sự thay đổi tích cực về học lực của sinh viên trước và sau khi áp dụng các phương pháp tự học phù hợp đã giúp sinh viên nắm bắt kiến thức tốt hơn và việc học đạt hiệu quả hơn. Biện pháp hướng dẫn sinh viên thực hiện tốt hoạt động tự học là yêu cầu cấp thiết đối với giảng viên trong quá trình đổi mới dạy và học ở đại học hiện nay để kích thích sinh viên hoàn thành nhiệm vụ học tập và nâng cao nhận thức, vai trò của bản thân trong việc rèn luyện kỹ năng tự học. Để đạt được điều này, cần phải có sự thay đổi và phối hợp chặt chẽ từ sinh viên, giảng viên và nhà trường.

Từ khóa: Hoạt động tự học; học chế tín chỉ; sinh viên; Sư phạm Sinh học.

(Nhận bài ngày 29/10/2016; Nhận kết quả phân biện và chỉnh sửa ngày 01/12/2016; Duyệt đăng ngày 25/02/2017).

1. Đặt vấn đề

Tự học là một hoạt động (HĐ) tổ chức dạy học cơ bản ở đại học (ĐH). Tự học giúp người học tích cực chủ động, tự tìm ra tri thức, kinh nghiệm bằng hành động của mình, tự thể hiện mình. Tự học là quá trình bản thân tự tìm hiểu, tự nghiên cứu để biến tri thức thành của bản thân. Học theo hệ thống tín chỉ là một hình thức đào tạo (ĐT) được hầu hết các nước tiên tiến trên thế giới áp dụng. Trường ĐH Quảng Bình đã sớm áp dụng phương pháp ĐT tín chỉ. Đây là phương thức ĐT lấy người học làm trung tâm, sinh viên (SV) có thể chủ động trong việc lập và quản lý việc học phù hợp điều kiện cũng như năng lực của bản thân. Tuy nhiên, theo khảo sát, tỉ lệ SV biết áp dụng đúng các HĐ tự học còn hạn chế, chiếm 14,6 %, do chưa thực sự tìm ra phương pháp học tập hiệu quả. SV còn nhiều vướng mắc, khó khăn khi học tập, chưa thực sự dành nhiều thời gian cho việc tự học, chưa xây dựng và rèn luyện kỹ năng hợp lý. Vì vậy, chúng tôi thực hiện nghiên cứu nhằm xác định được tỉ lệ SV Sư phạm Sinh học đã áp dụng HĐ tự học theo học chế tín chỉ tại Trường ĐH Quảng Bình năm học 2015 - 2016. Những yếu tố nào ảnh hưởng đến vấn đề tự học của SV cũng như đề xuất những giải pháp hiệu quả nhằm tăng năng lực tự học cho SV.

2. Kết quả nghiên cứu hoạt động tự học của sinh viên ngành Sư phạm Sinh học trong đào tạo theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Quảng Bình

2.1. Đối tượng, địa điểm, thời gian và phương pháp nghiên cứu

a) Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu
SV các lớp Sư phạm Sinh học ĐT theo hệ thống tín

chỉ tại Trường Đại học Quảng Bình, phân thành 4 nhóm theo kết quả học kì 1 năm học 2015 - 2016 : Giỏi ($\geq 3,2$); Khá (từ 2,5 - 3,19); Trung bình (từ 2,0 - 2,49); Yếu, kém ($\leq 1,99$). Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 9/ 2015 - 12/ 2016.

b) Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu trước và sau áp dụng các HĐ tự học kết hợp nghiên cứu định tính.

- Cỡ mẫu, chọn mẫu nghiên cứu định lượng: Tính theo công thức nghiên cứu mô tả

$$n = Z^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$; p: Tỉ lệ SV áp dụng đúng các HĐ tự học theo nghiên cứu của Đoàn Thị Ngọc Trang năm 2010 là: 14,6%, $p = 0,146$; chọn $d = 0,05$. Thay vào công thức ta có: $n = 191,5$ SV. Vậy cỡ mẫu nghiên cứu: 192 SV.

- Cỡ mẫu, chọn mẫu nghiên cứu định tính: Ở mỗi lớp nghiên cứu, tiến hành chọn các nhóm đối tượng theo kết quả học tập học kì 1 năm học 2015 - 2016 như sau: Giỏi ($\geq 3,2$): 3 - 5 SV/lớp; Khá (từ 2,5 - 3,19): 8 - 10 SV/lớp; Trung bình (từ 2,0 - 2,49): 8 - 10 SV/lớp; Yếu, kém ($\leq 1,99$): 3 - 5 SV/lớp. Tiến hành thảo luận nhóm trong các tiết học lớp.

- Cỡ mẫu, chọn mẫu nghiên cứu tác động các HĐ tự học

$$n = (Z_{1-\alpha/2} + Z_{1-\beta/2})^2 \frac{p_1q_1 + p_2q_2}{(p_1 - p_2)^2}$$

Trong đó: p_1 : Tỉ lệ ước lượng của biến số nghiên cứu trước, $p_1 = 14,6\%$; p_2 : Tỉ lệ của biến số nghiên cứu mong



muốn khi áp dụng các giải pháp tự học ($p_2 = 35\%$), $q_1 = 1 - p_1$, $q_2 = 1 - p_2$; chọn $\alpha = 0,05$; $\beta = 0,1$; $Z1 - \beta/2 = 1,28$. Vậy cỡ mẫu nghiên cứu: 90 SV.

- Xử lý số liệu: Phần mềm SPSS 20.0.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Tỷ lệ sinh viên ngành Sư phạm Sinh học

đã áp dụng hoạt động tự học

- Những khó khăn HĐ tự học trong nhận thức của SV Sư phạm Sinh học

Qua Bảng 1 cho thấy, có 185/192 ý kiến cho rằng “Có” gặp khó khăn tự học trong HĐ học tập, chiếm tỉ lệ 96%. Trong đó có 34/192 ý kiến cho rằng gặp “rất nhiều khó khăn”, chiếm 17,7%; 42/192 ý kiến cho rằng “có nhưng không nhiều”, chiếm 21,9%; 109/192 ý kiến cho rằng “nhiều khó khăn”, chiếm 56,8%; số còn lại cho rằng “không đáng kể” chiếm 3,6%. Tỷ lệ SV nữ thường gặp khó khăn hơn trong nhận thức quá trình tự học hơn các SV nam. Điều này cho thấy, SV nữ thường có ý thức tự học cao hơn và luôn muốn tìm ra một phương pháp học tập hợp lý để nâng cao kiến thức.

- Để biết được tần số mức độ khó khăn tự học của SV ta có tỉ lệ SV ngành Sư phạm Sinh học trước và sau khi áp dụng các HĐ tự học. Thông qua bảng số liệu cho thấy, sau khi áp dụng các phương pháp học tập, SV ngành Sư phạm Sinh học đã có thay đổi hơn so với trước khi áp dụng các HĐ tự học (Bảng 2). Qua thảo luận nhóm ở các buổi sinh hoạt lớp trước khi áp dụng các HĐ tự học, hầu hết các nhóm SV có học lực khá, giỏi đều có phương pháp tự học đúng và đều có lập kế hoạch học tập trước mỗi kì (chiếm 96%). Nhóm có học lực trung bình chưa

Bảng 1: Đánh giá của SV về khó khăn tự học trong HĐ học tập

Mức độ	SV		Giới tính			
			Nam		Nữ	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Rất nhiều khó khăn	34	17,7	8	16,7	26	18,1
Nhiều khó khăn	109	56,8	23	47,9	86	59,7
Có nhưng không nhiều	42	21,9	14	29,2	28	19,4
Không đáng kể	7	3,6	3	6,2	4	2,8

biết cách lập kế hoạch học tập, không thường xuyên đọc bài trước khi đến lớp, không có động cơ học tập chiếm 87%. Hình thức tự học đều mang tính đối phó, chủ yếu là để qua các lần kiểm tra giữa kì và cuối mỗi kì học, không có khả năng chọn lựa đúng các HĐ tự học, đặc biệt việc học nhóm không thường xuyên ở nhóm trung bình, yếu mà chỉ tập trung ở nhóm khá, giỏi.

2.2.2. Một số biện pháp nâng cao khả năng tự học theo đánh giá của sinh viên ngành Sư phạm Sinh học

Đa số (7/10) các biện pháp đưa ra khảo sát (Bảng 3) được SV đánh giá cao về tính cần thiết, chỉ có 3 biện pháp “Phát triển các câu lạc bộ học thuật” (hạng 8), “Nhà trường thay đổi chương trình ĐT theo hướng giảm giờ học trên lớp” (hạng 10) và “Đoàn Thanh niên - Hội SV trường thường xuyên tổ chức các chuyên đề, cuộc thi về kinh nghiệm tự học cho SV” (hạng 9) được SV đánh giá ở mức “Có cũng được, không cũng được” (ĐTB dao động từ 2.51 đến 3.12). Biện pháp “GV là cố vấn học tập tư vấn

Bảng 2: Tỷ lệ SV ngành Sư phạm Sinh học trước và sau khi áp dụng các HĐ tự học

Nội dung	Chưa áp dụng các hình thức tự học								Áp dụng các hình thức tự học							
	Giỏi (n=20)		Khá (n= 68)		Trung bình (n=45)		Yếu, kém (n=59)		Giỏi (n=59)		Khá (n= 81)		Trung bình (n= 36)		Yếu, kém (n= 16)	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Học nhóm	9	45	23	33.8	21	46.7	3	5.1	43	72.9	67	82.7	14	38.9	11	68.8
Đọc bài trước khi đến lớp	11	55	34	50.0	12	26.7	3	5.1	38	64.4	54	66.7	17	47.2	8	50.0
Trao đổi bài với giảng viên và các bạn khác	6	30	25	36.8	11	24.4	6	10.2	51	86.4	76	93.8	21	58.3	12	75.0
Lên thư viện học bài	6	30	43	63.2	14	31.1	8	13.6	49	83.1	66	81.5	16	44.4	9	56.3
Ghi chép bài cẩn thận	13	65	47	69.1	31	68.9	7	11.9	41	69.5	72	88.9	22	61.1	14	87.5
Đọc thêm nhiều tài liệu tham khảo	10	50	39	57.4	16	35.6	4	6.8	39	66.1	78	96.3	26	72.2	11	68.8
Thường xuyên liên hệ kiến thức thực tiễn	9	45	33	48.5	12	26.7	2	3.4	41	69.5	68	84.0	19	52.8	7	43.8
Lập kế hoạch học tập trước mỗi kì	12	60	23	33.8	20	44.4	9	15.3	53	89.8	80	98.8	28	77.8	14	87.5
Ôn tập lại kiến thức đã học	13	65	43	63.2	21	46.7	3	5.1	56	94.9	74	91.4	29	80.6	13	81.3

Chú thích: Bảng tỉ lệ so sánh từng cặp trước và sau khi áp dụng các HĐ tự học với $p < 0,05$ ở các nhóm học lực khác nhau: Giỏi ($\geq 3,2$); Khá (từ 2,5 - 3,19); Trung bình (từ 2,0 - 2,49); Yếu, kém ($\leq 1,99$).

Bảng 3: Các biện pháp nâng cao khả năng tự học của SV

STT	Biện pháp	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Mức độ	Thứ hạng
1	Giảng viên thay đổi phương pháp dạy học theo hướng tăng cường tự học cho SV	4,07	0,895	Cần thiết	3
2	Thay đổi chương trình ĐT theo hướng giảm giờ học trên lớp	2,51	0,833	Không cần thiết	10
3	Giảng viên là cố vấn học tập tư vấn kinh nghiệm tự học cho SV	4,37	0,538	Cần thiết	1
4	Giảng viên từng bộ môn tư vấn cách tự học cho SV	4,21	0,992	Cần thiết	2
5	Khoa tổ chức các lớp kĩ năng tự học cho SV	3,5	0,856	Cần thiết	7
6	Nhà trường trang bị hệ thống tài liệu phong phú và đa dạng cho thư viện để SV tự học	4,04	0,511	Cần thiết	4
7	Đoàn Thanh niên - Hội SV trường thường xuyên tổ chức các chuyên đề, cuộc thi về kĩ năng tự học cho SV	2,56	0,754	Không cần thiết	9
8	Phát triển các câu lạc bộ học thuật, câu lạc bộ kĩ năng	3,12	0,677	Có cũng được, không cũng được	8
9	SV tự tổ chức các nhóm tự học	3,82	0,766	Cần thiết	6
10	SV lập kế hoạch rèn luyện kĩ năng tự học cho bản thân	3,91	0,881	Cần thiết	5

kinh nghiệm tự học cho SV” được cho là cần thiết nhất (ĐTB= 4.37). Kết quả phỏng vấn thể hiện rõ quan điểm SV mong đợi GV nên giao nhiệm vụ, hướng dẫn cách tự học, đồng thời tăng cường kiểm tra, đánh giá để kích thích SV cố gắng hoàn thành các nhiệm vụ cũng như có cơ hội để xem xét mức độ chính xác trong nhận thức của mình khi tự học. Tuy nhiên, các SV được phỏng vấn cũng nhận ra vai trò quan trọng của bản thân trong việc rèn luyện kĩ năng tự học.

2.2.3. *Kết quả học tập sau khi áp dụng các hoạt động tự học theo học chế tín chỉ của sinh viên Sư phạm Sinh học*

Sau quá trình áp dụng các HĐ tự học dành cho SV ngành Sư phạm Sinh học, kết quả ở Bảng 4 cho thấy tỉ lệ SV nhóm giỏi tăng từ 10,4% lên 30,7%, nhóm yếu kém trước khi chưa áp dụng các HĐ tự học là 30,7% nhưng sau khi áp dụng các biện pháp tự học chỉ còn 8,3%, sự khác biệt trên có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Qua kết quả nghiên cứu, nhóm nghiên cứu rút ra được: Sự áp dụng các HĐ tự học đã có có hiệu quả đối với thói quen tự học của SV.

Từ những đặc thù của SV Sư phạm Sinh học Trường Đại học Quảng Bình, qua nghiên cứu các tài liệu về phương pháp dạy học và thực tế giảng dạy, chúng tôi đã rút ra các HĐ tự học cho SV:

- Việc tự học phải dựa trên một số nguyên tắc và quan trọng nhất là tinh thần tự giác và quyết tâm cao độ của mỗi SV.

- Các phương pháp tư duy hiệu quả đã được rất nhiều người trên thế giới áp dụng và đưa họ đến những đỉnh cao thành công như: Mind mapping (sơ đồ tư duy), phương pháp đọc nhanh, phương pháp SQ3R... cần được phổ biến tới SV.

Bảng 4: Kết quả sau khi áp dụng các HĐ tự học dành cho SV

Lực học	Chưa áp dụng các HĐ tự học		Áp dụng các HĐ tự học		p
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	
Giỏi	20	10.4	59	30.7	< 0,05
Khá	68	30.2	81	42.2	> 0,05
Trung bình	45	23.4	36	18.8	> 0,05
Yếu, kém	59	30.7	16	8.3	< 0,05

- Các thư viện cần liên tục cập nhật và cung cấp thêm nhiều sách tham khảo cho SV, tránh tình trạng thiếu sách, thậm chí không đủ giáo trình cho SV mượn.

- Những HĐ tự học nhiều người cho là hiệu quả như liên hệ lí thuyết và thực tiễn, tham khảo trên internet, trao đổi bài với thầy cô và bạn bè, đọc trước bài, ôn lại bài cũ, học nhóm... và trên hết là rèn luyện cho bản thân một tinh thần quyết tâm cao độ, sẵn sàng giải quyết và đương đầu với khó khăn, độc lập trong suy nghĩ là những yếu tố quan trọng nhất giúp SV có được kết quả cao.

3. Kết luận

Thông qua thực tiễn điều tra về HĐ tự học của SV ngành Sư phạm Sinh học tại Trường Đại học Quảng Bình, chúng tôi rút ra được một số kết luận sau: Đa số SV đều gặp khó khăn trong HĐ tự học của bản thân chiếm tỉ lệ 96%. Trong đó gặp “rất nhiều khó khăn”, chiếm 17,7%; “có nhưng không nhiều”, chiếm 21,9%; “nhiều khó khăn”, chiếm 56,8%; số còn lại cho rằng “không đáng kể” chiếm 3,6%. Tuy nhiên, sau khi áp dụng những HĐ tự học, tỉ lệ SV nhóm giỏi tăng từ 10,4% lên 30,7%;



nhóm yếu kém giảm từ 30,7% nhưng sau khi áp dụng chỉ còn 8,3%.

SV cần phải áp dụng các HĐ tự học thường xuyên, liên tục trong học chế tín chỉ. Nhà trường cần tổ chức các hội thảo học tập về HĐ tự học khi SV học theo học chế tín chỉ, đặc biệt là SV năm thứ nhất. Mặt khác, trong các buổi sinh hoạt của lớp, cố vấn học tập cần phổ biến cho SV các quy chế học vụ và hình thức ĐT, hướng dẫn các kinh nghiệm tự học, khuyến khích học nhóm, có sự trao đổi giữa các nhóm SV khá, giỏi với nhóm SV yếu, kém.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Đào Ngọc Cảnh - Huỳnh Văn Đà, (2012), *Nâng*

cao tính chủ động của sinh viên - Giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng trong đào tạo theo học chế tín chỉ, Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ.

[2]. Đoàn Thị Ngọc Trang, (2010), *Thực trạng sinh viên áp dụng phương pháp tự học theo học chế tín chỉ tại Khoa Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng*.

[3]. Phan Thúy Vân, (2011), *Một số vấn đề trong việc hướng dẫn sinh viên tự học tự nghiên cứu trong giai đoạn hiện nay*, Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị.

[4]. Hoàng Văn Vân, (2010), *Phương thức đào tạo theo tín chỉ, bản chất, hàm ý cho việc dạy - học cho phương pháp đào tạo ở bậc Đại học*, Đại học Quốc gia Hà Nội.

RESEARCHING STUDENTS' SELF-LEARNING ACTIVITY IN PEDAGOGICAL BIOLOGY MAJOR TOWARDS CREDIT - BASED TRAINING AT QUANG BINH UNIVERSITY

Le Khanh Vu - Email: khanhvudhsp@gmail.com

**Le Thi Thu Phuong - Email: lephuong.qbvn@gmail.com
Quang Binh University**

Abstract: *Credit-based-training is a method of learner-centred approach; students can be active in preparing and managing their own appropriate learning conditions and capability. Findings from survey of applying self-learning activities towards credit-based training of students in pedagogical Biology major at Quang Binh University showed that: a positive change in the student's before and after application of appropriate self-study methods helped them better grasp of knowledge and more effective learning. Measures to guide students to make good self-learning activities is a critical requirement for trainers in the process of renewing learning-teaching at current university so as to stimulate them to complete task of learning and raising awareness, their role in fostering self-study skill. To achieve this, there must be change and close cooperation from students, lecturers and universities.*

Keywords: *Self-learning activity; credit-based training; students; pedagogical Biology major.*